

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 13/02/2025.

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh

Các hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Thùy

+ Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Lê Phong N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại đội x, Kx, trại giam Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(ông T có mặt, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ngày 24/3/2022 ông có cho ông Lê Phong N vay số tiền 500.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, lãi suất hai bên tự thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật, thời hạn vay là 03 tháng đến ngày 24/6/2022 ông N sẽ trả cho ông số tiền vay. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông N phải trả tiền cho ông nhưng ông N không trả. Vì vậy, ông khởi kiện buộc ông N phải trả cho ông số nợ gốc là 500.000.000đồng và lãi suất từ ngày vay cho đến nay là 31 tháng với mức lãi suất là 20%/năm tương ứng 1.66%/tháng. Với số tiền lãi là 257.300.000đồng. Tổng cộng ông yêu cầu ông N phải trả cho ông số tiền gốc và lãi là 757.300.000đồng. Đến nay, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, cụ thể ông T chỉ yêu cầu ông N phải trả lãi cho ông tiền lãi suất là 0.83%/tháng x 31 tháng là 128.650.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 628.650.000đồng. Ngoài ra ông T không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Phong N trình bày: ông và ông Nguyễn Văn T là hàng xóm của nhau, ngày 24/3/2022 ông có vay của ông T số tiền 500.000.000đồng, khi vay ông và ông T có viết với nhau 01 giấy vay tiền, chữ ký chữ viết trong giấy vay tiền là do ông viết, khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3000đ/1 triệu/1 ngày. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông số tiền gốc 500.000.000đồng và lãi suất thì ông không đồng ý trả. Ông chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng còn tiền lãi thì ông không đồng ý trả vì trong quá trình vay nợ ông đã trả tiền lãi cho ông T. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Vụ án đã được Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000đồng và lãi suất là 0.83%/tháng tính từ ngày 25/6/2022 đến ngày xét xử là 31 tháng với số tiền lãi là 128.650.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 628.650.000đồng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với ông Lê Phong N. Buộc ông Lê Phong N phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi suất là 128.650.000đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng chung cả gốc và lãi là 628.650.000đồng (*Sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Phong N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bị đơn ông Lê Phong N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Phong N theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: xuất phát từ việc vào ngày 24/3/2022 ông Nguyễn Văn T cho rằng ông Lê Phong N có vay của ông số tiền là 500.000.000đồng, khi vay hai bên có xác lập giấy vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả nợ. Quá trình vay ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp và ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng và lãi suất đến nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thấy rằng:

Căn cứ vào “Giấy vay tiền” lập ngày 24/3/2022 thể hiện ông Lê Phong N có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 500.000.000 đồng, giấy vay tiền trên được ông N ký tên xác nhận, quá trình làm việc thì ông N thừa nhận chữ ký và chữ viết người vay tiền Lê Phong N đúng là chữ ký, chữ viết của ông. Đây là sự thừa nhận của đương sự nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tình tiết

này không phải chứng minh.

Các bên thừa nhận xác lập vay số tiền 500.000.000đồng nhưng ông N chưa trả tiền cho ông T. Do đó, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, buộc ông N phải trả cho ông T số tiền vay là 500.000.000đồng là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu tính lãi, quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1.66%/tháng nhưng ông N không thừa nhận mà ông N cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 3.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày. Tại giấy vay tiền lập ngày 24/3/2022 không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất mà chỉ thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 24/6/2022. Cả ông T và ông N đều không có chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình về việc các bên thỏa thuận lãi suất. Nay ông T yêu cầu ông N phải trả tiền nợ gốc là 500.000.000đồng và lãi suất kể từ ngày 25/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/02/2025 với mức lãi suất 0.83%/tháng. Thời điểm ông T yêu cầu tính lãi là ngày từ ngày 25/6/2022 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, các bên mâu thuẫn về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cần điều chỉnh lại về mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng x 31 tháng là 128.650.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Lê Phong N phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 128.650.000đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng chung cả gốc và lãi là 628.650.000đồng (*Sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

[5] *Về án phí:*

Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên cần buộc ông Lê Phong N phải chịu tiền án phí tương ứng nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn T là 29.146.500đồng (*Hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm [(20.000.000đồng + (4% 628.650.000đồng – 400.000.000đồng)].

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Lê Phong N.

Buộc ông Lê Phong N phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi suất là 128.650.000đồng (*Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng chung cả gốc và lãi là 628.650.000đồng (*Sáu trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)

2. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. *Về án phí:* Buộc ông Lê Phong N phải chịu 29.146.000đồng (*Hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 17.146.000đồng (*Mười bảy triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005054 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/02/2025), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sơn Linh